

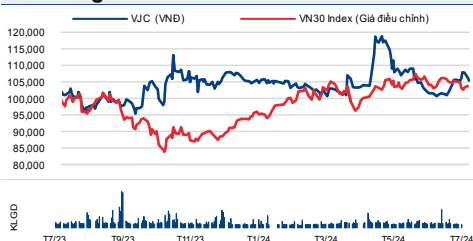
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ112,200
Tiềm năng tăng/giảm: 6.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2024)	105,400
Mã Bloomberg	VJC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	95,500-118,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	106,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	57,085
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,258
Slg CP lưu hành (tr.đv)	542
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	162
Slg CP NN được mua (tr.đv)	69.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.1%
Tỷ lệ freefloat	45.0%
Cổ đông lớn	Hương Dương Sunny (29.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	58,341	77,141	86,362
EBITDA đc (tỷ đồng)	(115)	4,276	5,377
LNTT (tỷ đồng)	606	2,060	3,184
LNT ĐC (tỷ đồng)	223	1,486	2,324
FCF (tỷ đồng)	(5,672)	(732)	(2,247)
EPS ĐC (đồng)	411	2,744	4,292
DPS (đồng)	-	0	0
BVPS (đồng)	28,123	31,439	36,327
T.trưởng EBITDA (%)	96.6	3,804	25.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	110	632	53.4
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.20)	5.54	6.23
Tỷ suất LNTT (%)	1.04	2.67	3.69
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.40	2.19	3.01
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	192	174	159
ROAE (%)	1.54	10.5	14.2
ROACE (%)	(1.23)	8.25	11.0
EV/doanh thu (lần)	1.42	1.08	0.99
EV/EBITDA ĐC (lần)	(718)	19.5	16.0
P/E ĐC (lần)	256	38.4	24.6
P/B (lần)	3.75	3.35	2.90
Lợi suất cổ tức (%)	-	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VJC sở hữu và vận hành Vietjet Air, hãng hàng không giá rẻ tại Việt Nam. VJC được thành lập năm 2007 và bay thương mại lần đầu tiên tháng 12 năm 2011. Ngoài hoạt động vận chuyển hành khách, VJC cũng thực hiện các giao dịch bán máy bay để tăng lợi nhuận.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận tăng mạnh nhờ giao dịch tàu bay

- KQKD Q2/2024 của VJC trái chiều với doanh thu thuần giảm 4% so với cùng kỳ xuống 16,2 nghìn tỷ đồng, trong khi LNTT tăng mạnh 130% so với cùng kỳ đạt 634 tỷ đồng, chủ yếu nhờ 485 tỷ đồng lợi nhuận từ mảng giao dịch tàu bay (tăng 401% so với cùng kỳ).
- Nếu không tính đến lợi nhuận không thường xuyên và lợi nhuận từ mảng giao dịch tàu bay, lợi nhuận mảng vận tải chỉ đạt 47 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ nhưng giảm 91% so với quý trước do lợi suất hành khách giảm, và thấp hơn dự báo của HSC ở mức 200 tỷ đồng.
- Tính chung nửa đầu năm 2024, LNTT đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 153% so với cùng kỳ), vượt dự báo và hoàn thành 64% dự báo cho cả năm 2024 của HSC, chủ yếu nhờ doanh thu mảng giao dịch tàu bay tăng lên mặc dù lợi nhuận mảng vận tải không đạt dự báo. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2024

Doanh thu thuần Q2/2024 của VJC đạt 16,2 nghìn tỷ đồng (giảm 4% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước), trong khi LNTT vượt 36% so với dự báo của HSC, đạt 634 tỷ đồng (tăng 130% so với cùng kỳ) nhờ LNTT mảng giao dịch tàu bay tích cực. Trong khi đó, lợi nhuận mảng vận tải thấp hơn dự báo, chỉ đạt 47 tỷ đồng (tăng 67% so với cùng kỳ, giảm 91% so với quý trước) do lợi suất hành khách thấp hơn dự báo trong bối cảnh nhu cầu trong nước kém tích cực.

Tính chung nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 34,0 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 153% so với cùng kỳ). Những kết quả này đã hoàn thành lần lượt 44% và 64% dự báo cả năm 2024 của HSC.

Lợi nhuận mảng vận tải trong Q2/2024 không đạt dự báo

Doanh thu mảng vận tải trong Q2/2024 tăng 22% so với cùng kỳ, đạt 14,4 nghìn tỷ đồng (giảm 6% so với quý trước) chủ yếu nhờ số lượng khách quốc tế gia tăng mạnh mẽ dù nhu cầu trong nước kém tích cực. Cụ thể như sau:

- Công suất ghế luân chuyển (ASK) tăng 19% so với cùng kỳ đạt 13,9 tỷ ghế-km, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng đáng kể của lượng khách quốc tế (tăng 40% so với cùng kỳ) bất chấp sự sụt giảm 9% so với cùng kỳ của lượng khách trong nước. So với quý trước, ASK không thay đổi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, VJC

Lợi nhuận mảng vận tải giảm 91% so với quý trước và thấp hơn dự báo

Tỷ đồng	Q2/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	16,224	-4%	-9%	34,016	14%
LNTT	635	130%	-6%	1,311	153%
LNTT cốt lõi	531	326%	-2%	1,073	230%
- Vận tải	47	67%	-91%	564	389%
- Giao dịch tàu bay	485	401%	1832%	510	143%
Lợi nhuận thuần	578	171%	8%	1,114	189%

Nguồn: VJC

- Lưu lượng khách luân chuyển (RPK) tăng mạnh đạt 11,7 tỷ khách-km (tăng 24% so với cùng kỳ và tăng 3% so với quý trước). Sự tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ chủ yếu nhờ vào sự tăng trưởng đáng kể 48% so với cùng kỳ của nhu cầu quốc tế, bù trừ hoàn toàn cho mức giảm 6% so với cùng kỳ của nhu cầu trong nước.
- Nhờ lượng khách quốc tế tăng, hệ số sử dụng ghế của VJC trong Q2/2024 đạt 84,0%, tăng 3,2 điểm phần trăm so với Q2/2023. Cả nhu cầu quốc tế và trong nước đều ghi nhận hệ số sử dụng ghế cao hơn so với cùng kỳ (Bảng 2).
- Tuy nhiên, lợi suất hành khách giảm 2% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước xuống 1.233đ/khách-km. VJC đã giảm giá vé trong Q2/2024 để hỗ trợ khách hàng do nhu cầu trong nước kém tích cực.
- Ngoài ra, chi phí đơn vị đạt 1.076đ/ghế-km (tăng 2% so với cùng kỳ và giảm 3% so với quý trước). Giá nhiên liệu bay bình quân trong Q2/2024 là 99 USD/thùng (tăng 7% so với cùng kỳ, giảm 3% so với quý trước) dẫn đến sự thay đổi trong chi phí đơn vị. Chi phí nhiên liệu thường chiếm khoảng 40% tổng chi phí mảng vận tải.

So với cùng kỳ, LNTT mảng vận tải đã tăng 67% đạt 47 tỷ đồng nhờ lưu lượng hành khách tăng lên như đã đề cập. Tuy nhiên, so với quý trước, lợi nhuận này đã giảm 91% do lợi suất hành khách giảm xuống như đã đề cập.

Tính chung nửa đầu năm 2024, LNTT mảng vận tải đạt 564 tỷ đồng, tăng 389% so với cùng kỳ (từ mức nền thấp của năm ngoái) nhờ nhu cầu quốc tế tăng mạnh, hệ số sử dụng ghế cao hơn và lợi suất hành khách tốt hơn.

LNTT mảng giao dịch tàu bay Q2/2024 tăng mạnh

VJC ghi nhận 485 tỷ đồng LNTT từ giao dịch tàu bay trong Q2/2024 so với chỉ 97 tỷ đồng và 25 tỷ đồng trong Q2/2023 và Q1/2024. Chi tiết về cơ cấu lợi nhuận mảng giao dịch tàu bay này vẫn chưa được công bố.

Tính chung nửa đầu năm 2024, LNTT mảng giao dịch tàu bay đạt 510 tỷ đồng (tăng 143% so với cùng kỳ) và đóng góp 47% tổng LNTT từ HĐKD cốt lõi.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

KQKD Q2/2024 tốt hơn dự báo của HSC, chủ yếu là do lợi nhuận mạnh mẽ từ mảng giao dịch tàu bay trong khi lợi nhuận mảng vận tải không đạt dự báo. Chất lượng lợi nhuận có vẻ suy yếu do lợi nhuận từ mảng giao dịch tàu bay đóng góp đến 91% LNTT từ HĐKD cốt lõi so với 78% và 5% trong Q2/2023 và Q1/2024.

Theo đó, HSC sẽ xem xét lại các dự báo của mình. Chúng tôi hiện dự báo doanh thu thuần và LNTT năm 2024 đạt lần lượt 77 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 32%) và 2,1 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 239%).

HSC cũng sẽ xem xét lại khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 112.200đ, sau khi giá cổ phiếu giảm nhẹ gần đây.

Bảng 2: Các chỉ số hoạt động, VJC

Lưu lượng hành khách tăng trong Q2/2024 nhưng lợi suất hành khách giảm

	Đơn vị	Q2/2024	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2024	% so với cùng kỳ
ASK	Tỷ ghế-km	13.9	19.4%	-0.5%	27.9	25%
Nội địa	Tỷ ghế-km	4.5	-8.6%	8.9%	8.6	-8%
Quốc tế	Tỷ ghế-km	9.4	39.8%	-4.4%	19.2	49%
RPK	Tỷ khách-km	11.7	24.2%	3.2%	23.0	31%
Nội địa	Tỷ khách -km	3.9	-5.6%	13.1%	7.4	-3%
Quốc tế	Tỷ khách-km	7.8	47.7%	-1.1%	15.6	57%
Hệ số sử dụng ghế	%	84.0%	+3.2 điểm %	+3.0 điểm %	82.5%	+3.4 điểm %
Nội địa	%	87.2%	+2.7 điểm %	+3.2 điểm %	85.6%	+4.1 điểm %
Quốc tế	%	82.5%	+4.4 điểm %	-2.7 điểm %	81.1%	+3.8 điểm %
Lợi suất hành khách	Đồng/khách-km	1,233	-2.0%	-9.1%	1,294	2.3%
Chi phí đơn vị	Đồng/khách-km	1,076	2.3%	-2.6%	1,090	4.6%

Nguồn: VJC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	40,142	58,341	77,141	86,362	98,805
Lợi nhuận gộp	(1,993)	2,521	7,702	9,277	10,399
Chi phí BH&QL	(1,471)	(3,049)	(3,778)	(4,252)	(5,021)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(3,464)	(529)	3,925	5,025	5,378
Lãi vay thuần	(237)	713	(2,422)	(2,466)	(2,422)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	1,052	422	558	624	714
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	(2,649)	606	2,060	3,184	3,670
Chi phí thuế TNDN	387	(375)	(367)	(587)	(684)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(2,262)	231	1,693	2,597	2,986
Lợi nhuận thuần ĐC	(3,234)	223	1,486	2,324	2,624
EBITDA ĐC	(3,384)	(115)	4,276	5,377	5,730
EPS (đồng)	(4,176)	427	3,126	4,795	5,514
EPS ĐC (đồng)	(5,972)	411	2,744	4,292	4,845
DPS (đồng)	-	-	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	542	542	542	542	542
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	542	542	542	542	542
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	542	542	542	542	542

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,858	5,051	5,044	4,417	4,395
Đầu tư ngắn hạn	688	613	509	509	509
Phải thu khách hàng	29,730	34,243	35,170	32,411	31,581
Hàng tồn kho	983	703	930	1,041	1,191
Các tài sản ngắn hạn khác	329	246	286	320	367
Tổng tài sản ngắn hạn	33,587	40,857	41,940	38,698	38,043
TSCĐ hữu hình	5,681	3,991	3,651	3,312	2,972
TSCĐ vô hình	28.4	50.0	43.9	40.7	37.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	458	530	458	458	458
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	28,282	41,498	43,392	45,752	47,213
Tổng tài sản dài hạn	34,449	46,068	47,545	49,563	50,680
Tổng cộng tài sản	68,037	86,925	89,485	88,261	88,723
Nợ ngắn hạn	8,550	13,554	13,885	15,545	14,821
Phải trả người bán	9,660	8,805	10,028	10,363	11,857
Nợ ngắn hạn khác	9,862	12,506	14,862	14,912	14,096
Tổng nợ ngắn hạn	30,417	38,861	42,456	44,077	43,511
Nợ dài hạn	10,310	17,257	17,634	17,575	17,515
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	0	0	0
Nợ dài hạn khác	69.1	1.62	2.15	2.40	2.75
Tổng nợ dài hạn	22,721	32,811	29,979	24,486	22,458
Tổng nợ phải trả	53,139	71,672	72,435	68,563	65,969
Vốn chủ sở hữu	14,878	15,232	17,028	19,675	22,729
Lợi ích cổ đông thiểu số	20.4	21.3	22.3	23.4	24.6
Tổng vốn chủ sở hữu	14,898	15,253	17,050	19,699	22,754
Tổng nợ phải trả và VCSH	68,037	86,925	89,485	88,261	88,723
BVPS (đ)	27,470	28,123	31,439	36,327	41,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	17,001	25,760	26,475	28,703	27,940

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	(3,464)	(529)	3,925	5,025	5,378
Khấu hao	(79.7)	(413)	(351)	(352)	(352)
Lãi vay thuần	(237)	713	(2,422)	(2,466)	(2,422)
Thuế TNDN đã nộp	(140)	(3.51)	367	587	684
Thay đổi vốn lưu động	(2,505)	(9,828)	(5,681)	(4,539)	(2,938)
Khác	2,434	3,891	(4,216)	(6,854)	(3,109)
LCT thuần từ HKKD	(2,393)	(4,247)	(796)	(2,239)	754
Đầu tư TS dài hạn	(1,217)	(1,426)	63.5	(8.68)	(8.99)
Góp vốn & đầu tư	98.5	(1,833)	15.8	19.5	17.7
Thanh lý	0.68	2,024	0	0	0
Khác	0	278	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,118)	(957)	79.3	10.9	8.67
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,480	8,557	709	1,600	(784)
Khác	0	(145)	1.06	0	0
LCT thuần từ HĐTC	3,480	8,412	710	1,600	(784)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,868	1,858	5,051	5,044	4,417
LCT thuần trong kỳ	(31.6)	3,208	(6.28)	(628)	(21.5)
Ảnh hưởng của tỷ giá	21.6	(15.9)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,858	5,051	5,044	4,417	4,395
Dòng tiền tự do	(3,611)	(5,672)	(732)	(2,247)	745

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	(4.97)	4.32	9.98	10.7	10.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(8.43)	(0.20)	5.54	6.23	5.80
Tỷ suất LNT (%)	(5.63)	0.40	2.19	3.01	3.02
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.6	61.8	17.8	18.4	18.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	212	45.3	32.2	12.0	14.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(16.1)	96.6	3,804	25.8	6.57
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(2,010)	107	567	56.4	12.9
Tăng trưởng EPS (%)	(2,940)	110	632	53.4	15.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(2,010)	107	567	56.4	12.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(14.3)	1.54	10.5	14.2	14.1
ROACE (%)	(9.39)	(1.23)	8.25	11.0	12.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.75	0.87	0.97	1.12
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.69	8.03	(0.20)	(0.45)	0.14
Số ngày tồn kho	8.51	4.60	4.89	4.93	4.92
Số ngày phải thu	258	224	185	153	130
Số ngày phải trả	83.7	57.6	52.7	49.1	49.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	128	192	174	159	132
Nợ/tài sản (%)	30.6	39.5	38.7	40.5	38.7
EBIT/lãi vay (lần)	(14.6)	N/a	1.62	2.04	2.22
Nợ/EBITDA (lần)	(6.16)	(298)	8.09	6.64	5.99
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.10	1.05	0.99	0.88	0.87
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.85	1.42	1.08	0.99	0.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	(21.9)	(718)	19.5	16.0	14.8
P/E (lần)	N/a	247	33.7	22.0	19.1
P/E ĐC (lần)	N/a	256	38.4	24.6	21.8
P/B (lần)	3.84	3.75	3.35	2.90	2.51
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn